

Bản án số: 229/2019/HC-PT

Ngày 27-3-2019

V/v khiếu kiện Quyết định xử phạt
vi phạm hành chính trong lĩnh vực
quản lý đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Bảo Nguyên

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Thơ

Ông Đào Hồng Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thái Ngọc Huyền.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Hồng Long - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 và 27 tháng 3 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (số 131 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh) xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 57/2018/TLPT-HC ngày 26 tháng 12 năm 2018 về “Khiếu kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2018/HC-ST ngày 14 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 638/2019/QĐ-PT ngày 19 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Trần Thành L, sinh năm 1966.

Địa chỉ: 69/2 phường A, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Người bị kiện:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: thị trấn T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Trương Tiến T – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: thị trấn T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo văn bản ủy quyền ngày 15/8/2016).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện là:

Ông Nguyễn Văn N.

Địa chỉ: thị trấn T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. *Người kháng cáo:* Ông Trần Thành L.

Địa chỉ: 69/2 phường A, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại các đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án người khởi kiện là ông Trần Thành L trình bày:

Tháng 08/2001 ông có làm đơn xin Ủy ban nhân dân (gọi tắt UBND) xã H, huyện C được phép khai hoang khu đất 03 ha tọa lạc tại khu vực K, ấp N, xã H, huyện C để phát triển nuôi trồng thủy sản.

Ngày 06/9/2001 UBND xã H đã xác nhận đơn và chấp thuận cho ông khai hoang, cải tạo đất để đưa vào phục vụ sản xuất nông nghiệp. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 85/1999/NĐ-CP ngày 28/8/1999 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của quy định về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp. Gia đình ông L đã đầu tư rất nhiều tiền của và công sức lao động để khai hoang cải tạo đất đưa đất vào phục vụ sản xuất và sản xuất ổn định hiệu quả từ 2001 đến nay. Trong suốt thời gian sử dụng đất đó không xảy ra bất kỳ sự tranh chấp hay văn bản ngăn chặn nào của các cơ quan phát luật tại thời điểm năm 2001, UBND xã H ra hiện trường kiểm tra thi công và cũng không có ý kiến gì. Từ năm 2001 cho đến nay vẫn không có thông báo hay quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh trực tiếp đến ông và khu trang trại 03 ha và hiện nay gia đình ông vẫn đang sử dụng hợp pháp.

Về nguồn gốc khu đất 03 ha nêu trên trước thời điểm ông khai hoang sử dụng: Đối chiếu với tài liệu đăng ký theo chỉ thị 299/TTg ngày 10/11/1980 của Thủ tướng chính phủ đã xác định được khu đất 03 ha nêu trên nhằm một phần thửa 100, tờ bản đồ số 05 xã H, huyện C. Theo chỉ thị số 02/CT-UB ngày 18/01/1992 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh đã xác định được khu 03 ha nêu trên nhằm một phần thửa 56, 41 tờ bản đồ số 07, xã H, huyện C đất thuộc loại hoang bằng, có nguồn gốc do nông trường quận 3 giải thể giao lại cho UBND xã H quản lý từ năm 1992. Đến năm 1996, khu đất trên đã được giao cấp cho một số cán bộ của huyện C sử dụng sản xuất nông nghiệp. Sau đó, thực hiện kết luận của đoàn thanh tra về tình hình quản lý, sử dụng đất tại huyện C kết hợp với đơn giải quyết tố cáo của công dân theo quyết định số 20/QĐ-TTr ngày 23/3/1999 của Chánh thanh tra Thành phố, ngày 24/11/1999 UBND huyện C ký ban hành Quyết định số 393/QĐ-UB về thu hồi và hủy bỏ 17 quyết định giao đất cho người được giao đất không tổ chức sản xuất do vi phạm khoản 3 Điều 26 Luật đất đai năm 1993. Do vậy, tại thời điểm tháng 11/1999, khu đất 03 ha nêu trên do UBND xã H quản lý. Đến tháng 8/2001 ông có đơn xin khai hoang sử

dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp và được UBND xã H ký xác nhận cho phép như đã nêu trên.

Từ những căn cứ nêu, được sự cho phép của UBND xã H, ông đã đầu tư rất nhiều tiền của, công sức lao động để khai hoang cải tạo khu đất 03 ha trên để phục vụ sản xuất, nuôi tôm và đã sản xuất nuôi tôm ổn định từ năm 2001. Thế nhưng, ngày 21/11/2006 Chủ tịch UBND huyện C ban hành quyết định số 1158/QĐ-UBND giao 376.120m² đất chưa sử dụng cho UBND xã H quản lý và cho rằng trong đó có khu đất 03 ha nêu trên của ông.

Đối với quyết định số 1158/QĐ-UBND ngày 21/11/2006 về giao 376.120m² đất chưa sử dụng cho UBND xã H quản lý là quyết định do Chủ tịch UBND huyện C ban hành, không phải do UBND huyện C ban hành, do vậy đây là quyết định không đúng thẩm quyền và trong quyết định cũng không thể hiện đối tượng bị điều chỉnh cụ thể. Vậy nên không có cơ sở để xác định quyết định trên điều chỉnh đến ông và khu đất 03 ha mà ông đang sử dụng.

Ngày 06/07/2010 ông cho thuê công nhân tiến hành dọn dẹp, vệ sinh ao, chặt cây, nhổ cỏ trên bờ thuộc thửa 36, 38, 39, 40 tờ bản đồ số 56, các thửa đất này thuộc về khu trang trại nuôi tôm của ông nằm trong khu đất 03 ha nêu trên thì Thanh tra xây dựng xã H vào khu vực trang trại yêu cầu dừng việc dọn dẹp vệ sinh ao, đuổi toàn bộ công nhân ra khỏi khu vực trang trại, mời ông về UBND xã lập biên bản số 25/BB-TTrXD với lý do khu đất hiện nay đã có quyết định số 1158/QĐ-UBND ngày 21/11/2006 của UBND huyện C về giao quỹ đất chưa sử dụng cho UBND xã H quản lý.

Đến ngày 24/8/2010 Thanh tra xây dựng xã H đơn phương lập không biên bản vi phạm hành chính số 09/BB-VPHC đối với ông. Căn cứ vào biên bản vi phạm hành chính lập không trên, Chủ tịch UBND huyện C ban hành Quyết định số 45/QĐ-XPVPHC ngày 01/9/2010. Không đồng ý với quyết định xử phạt hành chính trên ông đã làm đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện C, ngày 25/11/2010 Chủ tịch UBND huyện C ban hành quyết định giải quyết khiếu nại số 882/QĐ-UBND với nội dung không công nhận nội dung khiếu nại của ông, giữ nguyên Quyết định số 45/QĐ-XPVPHC ngày 01/9/2010 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Vào tháng 09/2013 ông cùng công nhân dọn dẹp vệ sinh ao tại khu vực trang trại 03 ha nêu trên để chuẩn bị cho vụ nuôi tôm năm 2014 thì viên chức địa chính xã H đã vào ngăn cản không cho ông và công nhân của ông tiến hành dọn dẹp với lý do phần đất này là đất công do UBND xã quản lý, ông không đồng ý và tiếp tục tiến hành dọn dẹp vệ sinh, chuẩn bị cho vụ tôm mới. Ngày 25/09/2013, cán bộ địa chính xã H tiếp tục lập không biên bản vi phạm hành chính số 01/BB-VPHC nhưng không giao biên bản cho ông. Căn cứ vào biên bản trên, Chủ tịch UBND huyện C ban hành quyết định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai số 51/QĐ-XPVPHC ngày 21/10/2013.

Nay ông đề nghị Tòa án xem xét các nội dung sau:

1. Hủy bỏ Quyết định số: 45/QĐ-XPHC ngày 01/9/2010 và Quyết định số: 51/QĐ-XPVPHC ngày 21/10/2013 của Chủ tịch UBND huyện C “về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai”.

2. Đối với yêu cầu Tòa án xác định việc giải quyết bồi thường thiệt hại cho ông do hành vi hành chính trái pháp luật của người thi hành công vụ, trong quá trình ban hành, triển khai, tổ chức thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai số 45/QĐ-XPHC ngày 01/9/2010 và Quyết định số 51/QĐ-XPVPHC ngày 21/10/2013 của Chủ tịch UBND huyện C “về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai” đã gây ra cho ông, ông đề nghị Tòa án không xem xét giải quyết.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án có ý kiến trình bày:

Vào năm 2001, ông Trần Thành L có ký hợp đồng liên doanh sản xuất với ông Nguyễn Thái H và được UBND huyện C xác nhận cho phép khai thác sản xuất trên khu đất 03 ha tại ấp N, xã H (ngày 03/10/2005, hợp đồng liên doanh đã được thanh lý trước thời hạn). Việc ông L liên doanh sản xuất và việc UBND xã H xác nhận cho phép sản xuất là trái pháp luật đất đai, UBND huyện C đã xử lý vi phạm và ban hành quyết định số 1158/QĐ-UBND ngày 21/11/2006 về giao UBND xã H quản lý 316.120m² đất chưa sử dụng. Trong đó có khu đất mà ông L sản xuất.

Ngày 27/12/2006, ông L gửi đơn đến UBND xã H xin thuê khu đất khoảng 03 ha nêu trên để nuôi trồng thủy sản. UBND xã H có Công văn số 01/UBND ngày 05/01/2007 và UBND huyện C có công văn số 364/UBND ngày 09/4/2007 xác định khu đất trên là đất công do xã quản lý, dự kiến quy hoạch khu dân cư, không giải quyết cho thuê.

Ngày 06/7/2010, ông L thuê công nhân tổ chức phát hoang, sản xuất trên phần đất 382,5m², nhằm một phần các thửa đất 37, 38, 39, 40; Tờ bản đồ số 56, xã H (phần đất này nằm trong khu đất 03 ha ông L liên doanh sản xuất năm 2001 và hiện do UBND xã H quản lý theo Quyết định số 1158/QĐ-UBND của UBND huyện C).

Hành vi thuê công nhân vào tự ý phát hoang, sản xuất trên phần đất do UBND xã H quản lý của ông L là hành vi chiếm đất quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 105/2009/NĐ-CP ngày 11/10/2009 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Do đó, Thanh tra xây dựng xã H và UBND xã H lập Biên bản vi phạm hành chính số 09/BB-VPHC ngày 24/8/2010, Biên bản vi phạm hành chính số 01/BB-VPHC ngày 25/9/2013 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định số 45/QĐ-XPHC ngày 01/9/2010 và Quyết định số 51/QĐ-XPVPHC ngày 21/10/2013 “về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai” đối với ông Trần Thành L là đúng quy định pháp luật.

Vì vậy, ông L yêu cầu Tòa án hủy bỏ Quyết định số 45/QĐ-XPHC ngày 01/9/2010 và Quyết định số 51/QĐ-XPVPHC ngày 21/10/2013 của Chủ tịch

UBND huyện C “về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai” ông không đồng ý.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày: Ông Nguyễn Văn Ngân thống nhất với nội dung trình bày của người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện.

Tại phiên tòa

Ông Trần Thành L giữ nguyên yêu cầu Tòa án hủy Quyết định Quyết định số: 45/QĐ-XPHC ngày 01/9/2010 và Quyết định số: 51/QĐ-XPVPHC ngày 21/10/2013 của Chủ tịch UBND huyện C. Ngoài ra, các yêu cầu khác trước đây ông đề nghị Tòa án không xem xét, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 03/2018/HC-ST ngày 14 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 31, khoản 1 Điều 157, Điều 193, Điều 194 và Điều 204 Luật tổ tụng hành chính.

Căn cứ vào Nghị định số 105/2009/NĐ-CP ngày 11/11/2009 của Chính phủ về xử phạt hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Căn cứ vào Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12, ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ tranh chấp:

Không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Trần Thành L yêu cầu Tòa án hủy các Quyết định số: 45/QĐ-XPHC ngày 01/9/2010 và Quyết định số: 51/QĐ-XPVPHC ngày 21/10/2013 của Chủ tịch UBND huyện C “về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai”.

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 29/8/2018 ông L nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 03/2018/HC-ST ngày 14 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sửa án sơ thẩm, xử hủy Quyết định số: 45/QĐ-XPHC ngày 01/9/2010 và Quyết định số: 51/QĐ-XPVPHC ngày 21/10/2013 của Chủ tịch UBND huyện C. Kiến nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khởi tố vụ án hình sự đối với Chủ tịch UBND huyện C về hành vi “Lạm quyền trong thi hành công vụ” theo Điều 282 Bộ luật hình sự năm 1999 (nay là Điều 357 Bộ luật hình sự năm 2015) hoặc tạm đình chỉ giải quyết vụ chờ kết quả của cơ quan Điều tra đối với yêu cầu này.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Trần Thành L cung cấp bản sao các tài liệu sau:

Phiếu Thông báo số 3009/PTB-CQCSĐT-PC46 ngày 31/8/2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh;

Quyết định giải quyết khiếu nại số 739 ngày 08/3/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh (giải quyết khiếu nại Phiếu Thông báo số 3009/PTB-CQCSĐT-PC46 ngày 31/8/2017);

Phiếu Thông báo số 6165/PC-CQCSĐT-PC03 ngày 19/12/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh;

Biên bản đo đạc ngày 27/3/2013 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện C;

Bản đồ hiện trạng vị trí ngày 09/9/2010 của Công ty TNHH tư vấn thiết kế Hưng Gia Thịnh;

Bản án hành chính phúc thẩm số 1316/2016/HC-PT ngày 13/12/2016 “V/v khiếu kiện hành vi hành chính, quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai” của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;

Thông báo giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm số 187/2018/TB-HC-GĐKHT1 ngày 30/11/2008 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh (có nội dung xác định không có căn cứ kháng nghị Bản án hành chính phúc thẩm số 1316/2016/HC-PT ngày 13/12/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh).

Bản án dân sự phúc thẩm số 1179/2018/DSPT ngày 18/12/2018 “V/v tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố hợp đồng liên doanh vô hiệu” của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông L trình bày:

-Đối với phần kiến nghị tại đơn kháng cáo: Đã được giải quyết theo Quyết định giải quyết khiếu nại số 739 ngày 08/3/2018 và Phiếu Thông báo số 6165/PC-CQCSĐT-PC03 ngày 19/12/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, ông đề nghị Tòa án tiếp tục xét xử vụ án.

-Cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng vì thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm không giống Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Ông L xác nhận đã được Hội đồng xét xử sơ thẩm giải thích về qui định hoãn phiên tòa và đã đồng ý với việc xét xử của Hội đồng xét xử sơ thẩm.

-Cấp sơ thẩm không căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do ông cung cấp để giải quyết vụ án, không xem xét khách quan các tình tiết chứng cứ trong vụ án, áp dụng không đúng pháp luật.

-Các biên bản xử phạt vi phạm hành chính được lập không khi ông không có mặt tại địa phương, Biên bản vi phạm hành chính ban hành Quyết định số 45/QĐ-XPVPHC có người làm chứng không khách quan vì ông N (là trưởng ấp) và ông A (là cảnh sát khu vực) là người đang thi hành công vụ nên không thể làm chứng.

-Việc khai hoang, sử dụng đất của ông thực hiện từ năm 2001 và được UBND xã H xác nhận, chấp thuận, ông còn có Hợp đồng cung ứng điện, có sử dụng điện để sinh hoạt và nuôi tôm từ năm 2004-2006; đến năm 2009 do thiên tai nên lảng trại canh trại tôm của ông bị sập, lúc đó ông dựng lại lảng trại thì bị chính quyền ngăn cản và cũng không cho công nhân của ông vào làm vệ sinh ao tôm. Có cơ sở xác định ông sử dụng đất hợp pháp, liên tục, không tranh chấp từ năm 2001 nên đã hết thời hiệu ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

-Năm 2009, Chủ tịch UBND huyện đã ban hành quyết định số 88/QĐ-UBND ngày 10/6/2009 xử phạt ông về hành vi chiếm đất và Quyết định số 1060/QĐ-UBND ngày 05/11/2009 về việc giải quyết khiếu nại nhưng sau khi ông khởi kiện ra Tòa án thì Chủ tịch huyện ban hành Quyết định số 273/QĐ-UBND ngày 04/5/2010 thu hồi, hủy bỏ quyết định số 88/QĐ-UBND ngày 10/6/2009 và 1060/QĐ-UBND ngày 05/11/2009, cho thấy UBND huyện C đã thấy rõ việc làm sai của mình, việc rút lại quyết định chính là thừa nhận ông đã sử dụng đất hợp pháp từ năm 2001.

-Yêu cầu tuyên hủy các Quyết định số 45/QĐ-XPHC ngày 01/9/2010 và Quyết định số 51/QĐ-XPVPHC ngày 21/10/2013 của Chủ tịch UBND huyện C “Về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai”.

Ngoài ra ông L còn xác định:

-Ông L đã biết rõ từ năm 2001, khu đất 3 ha ông khai thác nuôi tôm thuộc đất công.

-Diện tích đất bị xác định lấn chiếm trong quyết định số 45/QĐ-XPHC ngày 01/9/2010 và số 51/QĐ-XPVPHC ngày 21/10/2013 thuộc khu đất có diện tích 3 ha nói trên.

-Ông Nguyễn Thái H không phải là người được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khu đất nói trên nên việc ông H cho ông L thuê đất vào năm 2001 là trái pháp luật.

-Đối với yêu cầu Tòa án xác định việc yêu cầu giải quyết bồi thường thiệt hại cho ông do hành vi hành chính trái pháp luật của người thi hành công vụ, trong quá trình ban hành, triển khai, tổ chức thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai số 45/QĐ-XPHC ngày 01/9/2010 và Quyết định số 51/QĐ-XPVPHC ngày 21/10/2013 đã gây ra cho ông, do chưa hiểu rõ pháp luật nên ông có trình bày yêu cầu này, nay ông xác định đây không phải là yêu cầu khởi kiện trong vụ án, sau này khi Tòa án xử hủy các quyết định trên ông sẽ khởi kiện bằng vụ kiện khác. Ông đề nghị Tòa án không xem xét giải quyết.

-Ông L không còn lưu giữ hợp đồng liên doanh với ông H cùng các thỏa thuận thanh lý hợp đồng với ông H nên không thể cung cấp cho Tòa án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND huyện C là ông Nguyễn Văn N có ý kiến:

-Đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

-Việc Chủ tịch UBND huyện C ban hành Quyết định số 273/QĐ-UBND ngày 04/5/2010 thu hồi, hủy bỏ quyết định số 88/QĐ-UBND ngày 10/6/2009 và số 1060/QĐUBND ngày 05/11/2009 là do có sự thiếu sót về kỹ thuật khi ban hành quyết định số 88/QĐ-UBND và số 1060/QĐUBND, không phải là việc thừa nhận ông L sử dụng đất từ năm 2001 như ông làm tường.

-Ngay từ cuối năm 2006, sau khi thanh lý hợp đồng thuê đất với ông H, ông L đã có đơn xin thuê khu đất khoảng 3ha nói trên nhưng không được chấp nhận, cũng từ năm 2006 sau khi có Quyết định số 1158 của UBND xã đã ngăn cấm việc chiếm đất, bảo vệ nguyên hiện trạng đất đai chờ cấp có thẩm quyền có kế hoạch sử dụng đất theo pháp luật. Việc ông L vào phát hoang đất để nuôi tôm vào các năm 2009, 2010 và 2013 là hành vi chiếm đất, việc xử phạt là đúng pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

-Về thủ tục tố tụng:

Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng và đầy đủ các qui định của pháp luật tố tụng hành chính trong qua trình giải quyết và xét xử phúc thẩm vụ án hành chính.

Các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

-Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy án sơ thẩm vì cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, cụ thể thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm không đúng với Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ông Trần Thành L nộp đơn kháng cáo trong hạn luật định, nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng thời hạn qui định tại Điều 206 và Điều 209 Luật Tố tụng hành chính nên kháng cáo là hợp lệ và được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng, thời hiệu khởi kiện Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng.

[2] Về yêu cầu kháng cáo của ông L:

Yêu cầu sửa án sơ thẩm, tuyên hủy các Quyết định số: 45/QĐ-XPHC ngày 01/9/2010 và Quyết định số: 51/QĐ-XPVPHC ngày 21/10/2013 của Chủ tịch UBND huyện C “Về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai”.

[3].Xét kháng cáo của ông L:

[3.1].Về việc cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng:

Biên bản phiên tòa sơ thẩm ngày 14/11/2018 thể hiện Chủ tọa phiên tòa đã thông báo: Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm có Hội thẩm nhân dân Nguyễn Văn Nhánh không có tên trong Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2018/QĐXXST-HC ngày 23/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, Chủ tọa phiên tòa sơ thẩm đã giải thích qui định về hoãn phiên tòa, tuy nhiên ông L đã đồng ý việc tham gia xét xử của Hội thẩm nhân dân Nguyễn Văn Nhánh nên việc Tòa án nhân dân huyện C tiếp tục xét xử vụ án là không vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Hơn nữa, ông L kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xử sửa án sơ thẩm, không yêu cầu hủy án.

Do vậy, chưa đủ cơ sở để Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm.

[3.2].Xét về nội dung:

[3.2.1].Về việc ông L cho rằng có quá trình sử dụng đất hợp pháp, liên tục từ năm 2001 đến khi bị xử phạt vi phạm hành chính vào năm 2010 và 2013.

Theo tài liệu, chứng cứ đã thu thập cùng lời xác nhận của các đương sự thì phần đất 03 ha ông L nuôi tôm tọa lạc khu vực K, ấp N có nguồn gốc thuộc khu đất do Nông trường Quận 3 giải thể giao lại cho UBND xã H quản lý từ năm 1992, nay thuộc ấp N, xã H có diện tích qua đo đạc thực tế là 30.458,7 m² thuộc các thửa 23-a, 29-a; 30; 31; 32; 33; 34-a; 35-a; 36-a; 37-a; 37-b; 40a tờ bản đồ số 56 thuộc bộ địa chính xã H. Năm 1996, khu đất trên giao cho một số cán bộ huyện C sử dụng sản xuất nông nghiệp trong đó có ông Hồ Văn B. Năm 1998, ông Hồ Văn B giao phần đất này lại cho ông Nguyễn Thái H sử dụng.

Ngày 24/11/1999, UBND huyện C ban hành quyết định số 393/QĐ-UB về thu hồi hủy bỏ 17 quyết định giao đất cho người được giao đất mà không tổ chức sản xuất do vi phạm khoản 3 Điều 26 Luật đất đai năm 1993, trong đó có phần đất đã giao ông Hồ Văn B. Do đó, việc ông B lại giao đất cho ông Nguyễn Thái H để ông H cho người khác thuê đất, dùng đất để liên doanh, liên kết... đều là trái pháp luật.

Tại phiên tòa, ông L xác định ngay sau khi ký hợp đồng liên doanh sản xuất (thực chất là hợp đồng thuê đất) ngày 30/8/2001 với ông H, ông đã phát hiện phần đất trên không thuộc quyền sử dụng đất của ông H mà là đất công nên ông làm đơn xin khai đất nuôi tôm sú và được UBND xã xác nhận. Tuy vậy, mỗi năm ông đều trả cho ông H số tiền 27.000.000 đồng, đến năm 2005 hai bên thanh lý hợp đồng.

Năm 2006, UBND huyện C giao cho UBND xã H quản lý theo chế độ đất công chưa sử dụng theo Quyết định số 1158/QĐ-UBND ngày 21/11/2006 (trong đó có khu đất ông L sử dụng vào năm 2001). Như vậy, các hành vi sử dụng đất không được cấp có thể quyền cho phép đều là trái pháp luật.

Xét:

- Giao dịch giữa ông L với ông H: Theo bản án dân sự phúc thẩm số 1179/2018/DSPT ngày 18/12/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thì giao dịch trên đã vi phạm điều cấm của pháp luật, giao dịch bị vô hiệu.

-Việc UBND xã H, huyện C xác nhận vào đơn xin nuôi tôm sú của ông L vào ngày 06/9/2001, cho phép ông L sử dụng đất là trái qui định của Luật Đất Đai năm 1993.

-Ngoài ra, Bản án hành chính phúc thẩm số 1316/2016/HC-PT ngày 13/12/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xác định ngày 27/12/2006, ông L có làm đơn thuê đất có nội dung “xin thuê khu đất tại K-thuộc xã H để phát triển sản xuất và nuôi trồng thủy sản” nhưng UBND xã H và UBND huyện C đã không chấp thuận, bản án cũng đã bác yêu cầu của ông L về việc khiếu kiện về hành vi không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với khu đất này.

Việc này thể hiện, từ năm 2005 (sau khi thanh lý hợp đồng liên doanh nuôi tôm sú với ông H) ông L đã hiểu rõ ông không có quyền sử dụng khu đất trên. Mọi hành vi khai thác, sử dụng đất chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận là vi phạm pháp luật về đất đai nên ông mới làm đơn xin thuê đất.

Do vậy, khoảng thời gian từ 2001 đến 2006 ông L đã sử dụng phần đất 3 ha trên không đúng qui định của Luật Đất đai, không được xem là quá trình sử dụng đất hợp pháp, không có căn cứ để xác định ông L có quá trình sử dụng đất hợp pháp, liên tục từ năm 2001 đến khi bị xử phạt vi phạm hành chính năm 2010 và 2013.

[3.2.2].Đối với yêu cầu Tòa án tuyên hủy Quyết định số 45/QĐ-XPHC ngày 01/9/2010 của Chủ tịch UBND huyện C về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Vào ngày 06/7/2010 ông L có hành vi chặt cây, dọn dẹp vệ sinh, thuê nhân công phát hoang trên phần đất có diện tích 382,5 m² thuộc khu đất khoảng 30.000 m² trước đây ông nuôi tôm đang do UBND xã H quản lý theo Quyết định số 1158/QĐ-UBND ngày 21/11/2006 của UBND huyện C để lấy đất canh tác, đây là hành vi vi phạm hành chính nên ngày 24/8/2010 Thanh tra xây dựng xã H đã lập biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai số 09/BB-VPHC là đúng pháp luật.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 4 Nghị định số 105/2009/NĐ-CP ngày 11/11/2009 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính và Biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai số 09/BB-VPHC do Thanh tra xây dựng xã H lập ngày 24/8/2010, Chủ tịch UBND huyện C ban hành Quyết định số 45/QĐ-XPHC ngày 01/9/2010 là đúng thời hiệu.

Do hành vi chiếm đất của ông Trần Thành L đã vi phạm điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 105/2009/NĐ-CP ngày 11/11/2009 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 25 Nghị định số

105/2009/NĐ-CP ngày 11/11/2009 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính thì Chủ tịch UBND huyện C ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính là đúng thẩm quyền.

Từ những căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện hủy Quyết định số 45/QĐ-XPHC ngày 01/9/2010 của Chủ tịch UBND huyện C là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3.2.3].Đối với yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 51/QĐ-XPVPHC ngày 21/10/2013 của Chủ tịch UBND huyện C về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Vào tháng 9/2013, ông Trần Thành L cùng công nhân của ông chặt cây, dọn dẹp vệ sinh trên phần đất công do UBND xã H quản lý theo Quyết định số 1158/QĐ-UBND ngày 21/11/2006 của UBND huyện C. Do đó, ngày 25/9/2013 UBND xã H đã lập Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai số 01/BB-VPHC ngày 25/9/2013 trên diện tích 1.276,8m² là đúng pháp luật.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 4 Nghị định số 105/2009/NĐ-CP ngày 11/11/2009 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính và Biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai số 01/BB-VPHC ngày 25/9/2013 do UBND xã H đã lập, Chủ tịch UBND huyện C ban hành Quyết định số 51/QĐ-XPVPHC ngày 21/10/2013 là đúng thời hiệu.

Do hành vi chiếm đất của ông Trần Thành L đã vi phạm điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 105/2009/NĐ-CP ngày 11/11/2009 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 25 Nghị định 105/2009/NĐ-CP ngày 11/11/2009 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính thì Chủ tịch UBND huyện C ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính là đúng thẩm quyền.

Từ những căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện hủy Quyết định số 51/QĐ-XPVPHC ngày 21/10/2013 của Chủ tịch UBND huyện C là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3.2.4].Các lập luận và căn cứ kháng cáo của ông L là thiếu cơ sở nên không được chấp nhận.

[3.2.5].Cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu khởi kiện của ông L là có căn cứ.

[4].Án phí hành chính phúc thẩm: Ông L phải chịu án phí hành chính phúc thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 29, khoản 1 Điều 241 và Điều 242 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Thành L.

Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2018/HC-ST ngày 14 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

“Tuyên xử:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 31, khoản 1 Điều 157, Điều 193, Điều 194 và Điều 204 Luật tổ tụng hành chính.

Căn cứ vào Nghị định số 105/2009/NĐ-CP ngày 11/11/2009 của Chính phủ về xử phạt hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Căn cứ vào Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12, ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ tranh chấp:

Không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Trần Thành L yêu cầu Tòa án hủy các Quyết định số: 45/QĐ-XPHC ngày 01/9/2010 và Quyết định số: 51/QĐ-XPVPHC ngày 21/10/2013 của Chủ tịch UBND huyện C “Về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai”.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm:

Án phí hành chính sơ thẩm là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng ông Trần Thành L phải chịu nhưng được cân trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số AC/2010/04099 ngày 20/01/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông L được hoàn lại số tiền 200.000 (hai trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AC/2010/03510 ngày 22/12/2010.”

2. Án phí hành chính phúc thẩm:

Ông Trần Thành L phải chịu số tiền án phí hành chính phúc thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng. Ông L đã nộp số tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AG/2011/06168 ngày 03/12/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, nay được trừ vào tiền án phí. Ông L đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh;
- VKSND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Hồ Chí Minh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Tòa án nhân dân huyện C, TP Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án Dân sự TP Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, TP Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

Vũ Bảo Nguyên